TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1039/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa
bà Q và ông Tr

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1970 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 26/7 Đường số C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn Tr, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 26/7 Đường số C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/2/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q và ông Lâm Văn Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2004, quyển số 01, đăng ký ngày 16/6/2004. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, ông Tr không chăm lo kinh tế gia đình. Dù bà Q đã cho ông Tr nhiều cơ hội để ông thay đổi nhưng không đạt kết quả. Do đó, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Tr. Về con chung, bà Q và ông Tr có 01 con chung tên Lâm Nguyễn Mỹ Ng, sinh ngày 16/01/2004, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà Q tự thoả thuận với ông Tr và không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, bà Q tự khai giữa bà và ông Tr không nợ gì của ai.

Bị đơn ông Lâm Văn Tr đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tr vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của ông Tr và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Tr, về con chung, tài sản chung và nợ chung bà vẫn giữ lời trình bày thể hiện trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Q chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông Tr chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Q thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Lâm Văn Tr có nơi cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Lâm Văn Tr sống chung và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2004, quyển số 01, đăng ký ngày 16/6/2004, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Q, bà Q trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông

Tr không chăm lo cho vợ con cũng như không phụ giúp kinh tế gia đình. Năm 2018, bà Q đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Tr, tuy nhiên vì muốn cho ông Tr cơ hội để thay đổi nên bà đã rút đơn. Dù vậy ông Tr vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hai bên tuy vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Q yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Q là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Tr vẫn vắng mặt và ông Trọng cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông Tr không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà Q và ông Tr không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Q cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Q và ông Tr có 01 con chung tên Lâm Nguyễn Mỹ Ng, sinh ngày 16/01/2004. Bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn Nhân và Gia Đình, mặt khác, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên có cơ sở để chấp nhận. Bà Q chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Tr cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Q tự thoả thuận với ông Tr và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Lâm Văn Tr.

- Về nuôi con chung:

Giao 01 con chung tên Lâm Nguyễn Mỹ Ng, sinh ngày 16/01/2004 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lâm Văn Tr cho đến khi có yêu cầu.

Ông Lâm Văn Tr có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Q tự thoả thuận với ông Tr và không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Q tự khai không nợ gì của ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Q phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019140 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Ông Lâm Văn Tr có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho ông Tr hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường B, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh Minh